TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2026
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Nam; Bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2025 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng N, sinh ngày: 01/01/1991. CCCD số: 089191006414. Địa chỉ: ấp Tây B, xã Vĩnh T, tỉnh An Giang, Việt Nam.

- *Bị đơn*: Ông Wang Y, sinh ngày: 29/10/1984. Địa chỉ: Số nhà 302, đơn vị 3, tòa nhà E, đường Hoành Sơn, thị Trấn Đào C, huyện Quảng Đ, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đào trình bày: Bà và ông Wang Y quen biết qua mai mối, sau thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019. Có đăng ký kết hôn tại Cục dân chính tỉnh Giang Tây (Trung Quốc), giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số J340000-2019-001417. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó không lâu cả hai lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân xuất phát từ bất đồng ngôn ngữ, văn hóa, quan điểm sống và tính cách. Sau nhiều lần không thể hàn gắn được nên bà đã quay về Việt Nam vào năm 2022, vợ chồng bà ly thân từ đó và cả hai cũng không liên lạc với nhau nữa. Nay thấy, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được mối quan hệ này nên bà yêu cầu ly hôn ông Wang Y.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Wang Y đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng thủ tục ủy thác tư pháp nhưng đến nay ông Wang Y vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Wang Y, cư trú: số 302, đơn vị 3, tòa nhà E, đường Hoành Sơn, thị Trấn Đào C, huyện Quảng Đ, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N, cư trú: ấp Tây B, xã Vĩnh T, tỉnh An Giang, Việt Nam. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2025)*

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Wang Y Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc đúng theo trình tự tố tụng bằng hình thức Ủy thác tư pháp nhưng ông Wang Y vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Wang Y theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng N và ông Wang Y quen biết do mai mối, sau thời gian tìm hiểu cà hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Cục dân chính tỉnh Giang Tây (Trung Quốc), giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số J340000-2019-001417. Nhưng bà N và ông Wang Y không thực hiện thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Thủ tục này được gọi là ghi chú kết hôn. Theo nội dung trình bày thì do bà N cung cấp không đủ các loại giấy tờ được quy định tại Điều 35 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch nên không đủ điều kiện để thực hiện việc ghi chú kết hôn. Nhưng việc ghi chú kết hôn đối với trường hợp của bà N và ông Wang Y buộc phải làm để chính phủ Việt Nam công nhận mối quan hệ giữa bà N và ông Wang Y. Do đó, đã không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng đối với bà N và ông Wang Y theo pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, về mặt tình cảm giữa bà N và ông Wang Y đã có rạn nứt, xảy ra nhiều mâu thuẫn mà cả hai lại không có biện pháp nào để hàn gắn được mối quan hệ này. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn ông Wang Y là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Hồng N và ông Wang Y theo Điều 9,

khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà N khai không có con chung với ông Wang Y nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung. Vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Wang Y trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Wang Y phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2025);*

Căn cứ vào Điều 9, 14, 53, 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Hồng N với ông Wang Y.

2. Về con chung: Bà N khai không có con chung với ông Wang Y nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung. Vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Wang Y trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Wang Y phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí, lệ phí:

- Án phí: Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007412 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp xong)

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004983 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp xong).

7. Về quyền kháng cáo:

- Bà Võ Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Wang Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND Khu vực 10 - AG;
- THADS tỉnh AG;
- Phòng THADS Khu vực 10 - AG;
- UBND xã Vĩnh T;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng; HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Hồng Nhớ